

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ
Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 41/2018/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ các quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Số 1822/QĐ-UBND ngày 14/6/2012 về việc thành lập Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng và ban hành Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Thanh Hóa; số 215/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 về việc thành lập Ban Quản lý Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng và phòng chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Công văn số 1532/SNV-TCBC ngày 21/7/2020; của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 80/TTr-SNN&PTNT ngày 25/5/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Thanh Hóa

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký thay thế Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tại Quyết định số 1822/QĐ-UBND ngày 14/6/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Nông nghiệp và PTNT, Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2, QĐ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (đề b/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

ĐIỀU LỆ

Về tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Thanh Hóa
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Điều lệ này quy định về tổ chức, bộ máy và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Thanh Hóa.
2. Điều lệ này áp dụng đối với tất cả cán bộ công chức, viên chức, người lao động của Quỹ và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong quan hệ công tác với Quỹ.

Điều 2. Địa vị pháp lý, chức năng của Quỹ

1. Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là Quỹ) là Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; tổ chức, hoạt động theo loại hình đơn vị sự nghiệp công lập, hạch toán độc lập.
2. Quỹ có tư cách pháp nhân, con dấu riêng, được mở tài khoản tại Ngân hàng và kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật.
3. Quỹ có trụ sở đặt tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa.
4. Quỹ có chức năng vận động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn lực tài chính cho hoạt động bảo vệ và phát triển rừng theo quy định tại Luật Lâm nghiệp, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Mục tiêu và nguyên tắc hoạt động

1. Mục tiêu
 - a) Huy động các nguồn lực xã hội để bảo vệ và phát triển rừng, góp phần thực hiện chủ trương xã hội hóa nghề rừng.
 - b) Nâng cao nhận thức và trách nhiệm đối với công tác bảo vệ và phát triển rừng của những người được hưởng lợi từ rừng hoặc có các hoạt động ảnh hưởng trực tiếp đến rừng.
 - c) Nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý, sử dụng và bảo vệ rừng cho các chủ rừng, góp phần thực hiện có hiệu quả chiến lược phát triển lâm nghiệp.
2. Nguyên tắc hoạt động

a) Hoạt động không vì mục đích lợi nhuận và phải bảo toàn nguồn vốn điều lệ của Quỹ. Các hoạt động phải đảm bảo tuân thủ quy định tại Nghị định 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

b) Đối với các nguồn hỗ trợ từ Quỹ: Chỉ hỗ trợ cho chương trình, dự án hoặc hoạt động phi dự án liên quan đến bảo vệ và phát triển rừng mà ngân sách nhà nước chưa đầu tư hoặc chưa đáp ứng đủ yêu cầu đầu tư.

c) Bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả; quản lý, sử dụng đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn

Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại khoản 2, Điều 76, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Rà soát, ký kết hợp đồng, tiếp nhận và quản lý nguồn tiền ủy thác chi trả dịch vụ môi trường rừng;
2. Vận động, tiếp nhận và quản lý các nguồn tài chính ủy thác khác; nguồn viện trợ, tài trợ, đóng góp tự nguyện, của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước; nguồn tài chính hợp pháp khác ngoài ngân sách nhà nước;
3. Tiếp nhận, quản lý tiền trồng rừng thay thế;
4. Đại diện cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng ký hợp đồng với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng phải trả tiền ủy thác về Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh;
5. Làm đầu mối giúp cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức kiểm tra, giám sát việc quản lý sử dụng kinh phí quản lý, việc thanh toán tiền cho các hộ nhận khoán bảo vệ rừng của các chủ rừng có khoán bảo vệ rừng;
6. Tổ chức thẩm định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các chương trình, dự án và các hoạt động phi dự án do Quỹ vận động, hỗ trợ;
7. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các đối tượng được hưởng nguồn tài chính do Quỹ hỗ trợ;
8. Thực hiện các quy định của pháp luật về tài chính, thống kê, kế toán và kiểm toán; báo cáo tình hình quản lý, sử dụng Quỹ cho cấp có thẩm quyền;
9. Kiến nghị với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành, bổ sung, sửa đổi các quy định về đối tượng, hoạt động được hỗ trợ từ Quỹ;
10. Báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam về tình hình thu chi tiền dịch vụ môi trường rừng của địa phương hằng năm.
11. Thực hiện tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật có liên quan;

Chương II

NGUỒN VỐN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 5. Nguồn tài chính hình thành Quỹ

1. Nguồn vốn điều lệ ngân sách tỉnh cấp ban đầu khi thành lập Quỹ và nguồn bổ sung vốn điều lệ theo các quyết định phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh.
2. Tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng; tiền ủy thác của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo hợp đồng ủy thác liên quan đến bảo vệ và phát triển rừng.
3. Tiền trồng rừng thay thế do chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.
4. Tiền viện trợ, tài trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước.
5. Nguồn hỗ trợ từ Quỹ trung ương.
6. Lãi tiền gửi các tổ chức tín dụng.
7. Các nguồn tài chính hợp pháp khác ngoài ngân sách nhà nước.

Điều 6. Nội dung chi của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng

Thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 80, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng; chi thực hiện các nhiệm vụ ủy thác theo hợp đồng ủy thác khác từ nguồn kinh phí được quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 79 của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ.
2. Chi tiền trồng rừng thay thế do chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định từ nguồn kinh phí được quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 79 của Nghị định 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ.
3. Chi hỗ trợ cho các chương trình, dự án và các hoạt động phi dự án từ nguồn kinh phí được quy định tại các điểm c, d và e khoản 2, Điều 79 của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ, bao gồm: Hỗ trợ kinh phí để phòng chống, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm trong lĩnh vực lâm nghiệp; tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện chính sách pháp luật về lâm nghiệp; thử nghiệm và phổ biến nhân rộng mô hình bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng, quản lý rừng bền vững; thử nghiệm, ứng dụng giống cây lâm nghiệp mới; hỗ trợ trồng cây phân tán; phát triển lâm sản ngoài gỗ trên đất lâm nghiệp; đào tạo nguồn nhân lực cho việc bảo vệ và phát triển rừng ở cơ sở và hỗ trợ các hoạt động khác liên quan đến lĩnh vực lâm nghiệp.
4. Chi hoạt động của bộ máy Quỹ từ nguồn kinh phí quản lý dịch vụ môi trường rừng theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 70, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ; từ nguồn kinh phí quản lý theo hợp đồng ủy thác; lãi tiền gửi; nguồn tài

chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Nội dung chi, mức chi hoạt động bộ máy Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành. Trường hợp pháp luật chưa có quy định nội dung chi, mức chi, căn cứ khả năng tài chính, Quỹ xây dựng nội dung chi, mức chi trong quy chế chi tiêu nội bộ; quyết định việc chi tiêu và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

Điều 7. Phương thức, nội dung hỗ trợ tài chính và phê duyệt thực hiện

Thực hiện theo quy định tại Điều 83, Điều 84, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Phương thức và nội dung hỗ trợ tài chính

a) Hỗ trợ không hoàn lại toàn phần hoặc một phần vốn cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư việc thực hiện các chương trình, dự án và các hoạt động phi dự án theo các nội dung quy định tại khoản 2, Điều này.

b) Các nội dung được hỗ trợ:

Thực hiện theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 80, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Phê duyệt chương trình, dự án, các hoạt động có tính chất phi dự án:

a) Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có nhu cầu hỗ trợ gửi văn bản đề nghị hỗ trợ, kèm theo văn kiện chương trình, dự án và các hoạt động phi dự án trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Ban quản lý Quỹ.

b) Trước ngày 25 tháng 02 hằng năm, Ban quản lý Quỹ chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức thẩm định, báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ thông qua, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, sau khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, Giám đốc Quỹ thông báo qua dịch vụ bưu chính cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được hỗ trợ biết để triển khai thực hiện.

Điều 8. Triển khai thực hiện và kiểm tra, đánh giá các chương trình, dự án, các hoạt động có tính chất phi dự án

Thực hiện theo quy định tại Điều 85 và khoản 2, Điều 86, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Triển khai thực hiện:

a) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thực hiện các chương trình, dự án và các hoạt động phi dự án theo quyết định được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

b) Việc thành lập Ban quản lý để tổ chức triển khai thực hiện theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện:

a) Ban quản lý Quỹ chỉ đạo thực hiện, kiểm tra tình hình thực hiện các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án được Quỹ cấp tỉnh hỗ trợ theo định kỳ hoặc đột xuất.

b) Trường hợp cần thiết, Ban quản lý Quỹ được thuê tư vấn để kiểm tra và đánh giá tình hình thực hiện các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án do Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh hỗ trợ.

Chương III **TỔ CHỨC QUẢN LÝ QUỸ**

Điều 9. Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của Quỹ gồm: Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát, Ban Quản lý Quỹ (Ban điều hành Quỹ) và các phòng chuyên môn trực thuộc.

Điều 10. Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ (sau đây gọi tắt là Hội đồng) có 07 thành viên, trong đó:

a) Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Các Ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ, gồm: Đại diện cán bộ quản lý cấp phòng các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm; Giám đốc, Phó giám đốc và Chủ tịch Công đoàn của Ban Quản lý Quỹ.

c) Thư ký Hội đồng quản lý Quỹ do Phó Giám đốc Ban quản lý Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Thanh Hóa, thành viên Hội đồng quản lý Quỹ kiêm nhiệm.

2. Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, nhiệm kỳ 5 năm. Các thành viên được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ.

3. Tiêu chuẩn bổ nhiệm, quy trình và các quy định về miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện theo quy định tại các Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Thông tư số 41/2018/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Thành viên Hội đồng Quản lý Quỹ do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Nội vụ.

Điều 11. Nguyên tắc và chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ

Thực hiện theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Thông tư số 41/2018/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cụ thể:

1. Nguyên tắc làm việc

a) Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện theo nguyên tắc thảo luận tập thể, dân chủ, tôn trọng ý kiến các thành viên, công khai, biểu quyết và quyết định theo đa số.

b) Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, đề cao trách nhiệm cá nhân của Chủ tịch Hội đồng và các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ.

c) Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật.

d) Văn bản do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ký, ban hành sử dụng con dấu của Quỹ và được lưu trữ theo quy định của pháp luật.

e) Thành viên Hội đồng quản lý: Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Chủ tịch UBND tỉnh về thực hiện nhiệm vụ được giao, kết quả công việc, ý kiến biểu quyết, bỏ phiếu thông qua quyết nghị, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ. Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh khi xảy ra việc làm trái với quy định pháp luật, gây hậu quả xấu.

2. Chế độ làm việc

a) Hội đồng quản lý Quỹ họp định kỳ mỗi quý 01 lần và họp đột xuất khi cần thiết theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng hoặc kiến nghị của trên 30% thành viên Hội đồng quản lý hoặc đề nghị của Giám đốc Ban quản lý Quỹ. Hội đồng quản lý Quỹ hoạt động theo cơ chế tập thể và quyết định theo đa số trên cơ sở bỏ phiếu kín của các thành viên.

b) Các cuộc họp của Hội đồng được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ tham dự. Nghị quyết của Hội đồng quản lý Quỹ chỉ có giá trị, hiệu lực khi có trên 50% tổng số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ nhất trí thông qua. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định bằng hình thức bỏ phiếu kín. Trường hợp có ý kiến trái ngược nhau mà tỷ lệ phiếu ngang nhau thì Hội đồng quản lý Quỹ quyết nghị theo bên có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ. Nội dung cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ phải được ghi thành biên bản và gửi đến các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ.

c) Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ chỉ đạo, quản lý thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng; chịu trách nhiệm cá nhân trước Hội đồng quản lý và trước Chủ tịch UBND tỉnh. Khi Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ vắng mặt phải ủy quyền, ủy nhiệm cho một Ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ điều hành công việc thuộc quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ và báo cáo kết quả giải quyết công việc khi Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ có mặt.

d) Trường hợp có công việc cần giải quyết nhưng không thể triệu tập họp Hội đồng quản lý Quỹ ngay, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xin ý kiến thành viên Hội đồng quản lý Quỹ bằng văn bản và quyết định thực hiện công việc khi có trên 50% tổng số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ nhất trí bằng văn bản. Trường hợp có ý kiến trái ngược nhau mà tỷ lệ ngang nhau thì quyết định theo bên có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

e) Giám đốc Ban quản lý Quỹ có trách nhiệm chỉ đạo chuẩn bị các nội dung, tài liệu, điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho các phiên họp hội đồng. Hội đồng

quản lý Quỹ được sử dụng bộ máy của Ban quản lý Quỹ để thực hiện các nhiệm vụ của mình.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Chỉ đạo Ban quản lý Quỹ thực hiện việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn tài chính của Quỹ theo quy định tại Điều 79, Nghị định 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ và quy định của pháp luật.

2. Trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT để báo cáo, trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy định về hoạt động nghiệp vụ của Quỹ theo quy định của pháp luật.

3. Trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT để báo cáo, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt chiến lược phát triển, kế hoạch hoạt động dài hạn, trung hạn của Quỹ.

4. Thông qua chủ trương: Thành lập, kiện toàn Hội đồng quản lý Quỹ; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc Quỹ, Phó Giám đốc Quỹ; sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

5. Phê duyệt kế hoạch hành động; thông qua báo cáo kết quả kiểm soát; báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ.

6. Giám sát, kiểm tra Ban quản lý Quỹ trong việc thực hiện các quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động Quỹ, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

7. Sử dụng bộ máy của Ban quản lý Quỹ và con dấu của Quỹ trong việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định tại Điều lệ này.

8. Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật về hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ trong phạm vi, quyền hạn được giao.

9. Thực hiện một số nhiệm vụ và quyền hạn khác theo phân công của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ

1. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định tại Điều lệ này.

2. Ký, ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, các nghị quyết, quyết định và các văn bản liên quan của Hội đồng quản lý Quỹ. Sử dụng con dấu của Quỹ trong các văn bản quản lý, điều hành và trình cấp trên phê duyệt theo thẩm quyền.

3. Chỉ đạo giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ và hoạt động của Quỹ; có quyền hủy bỏ các quyết định của Giám đốc Quỹ trái với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

4. Chỉ đạo chuẩn bị chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ, chương trình, nội dung và tài liệu họp Hội đồng quản lý Quỹ; việc lấy ý kiến

các thành viên về các nội dung liên quan đến hoạt động của Quỹ.

5. Triệu tập và chủ trì các cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ.

6. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo phân công của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và quy định của pháp luật.

7. Ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng khi cần thiết. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật về nhiệm vụ được ủy quyền.

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ

1. Dự các cuộc họp của Hội đồng quản lý.

2. Đề xuất với Chủ tịch Hội đồng nội dung và các vấn đề thảo luận ở Hội đồng quản lý.

3. Góp ý kiến, biểu quyết về những vấn đề đưa ra thảo luận trong các cuộc họp của Hội đồng quản lý.

4. Thực hiện bảo mật các thông tin được cung cấp theo quy định pháp luật.

5. Thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng, Chủ tịch Hội đồng phân công.

Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thư ký Hội đồng quản lý Quỹ

Ngoài các nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản lý Quỹ quy định tại Điều 14 nêu trên, Thư ký Hội đồng quản lý Quỹ có các nhiệm vụ sau:

1. Tổng hợp thông tin về tổ chức hoạt động của Ban quản lý Quỹ báo cáo Chủ tịch Hội đồng.

2. Chuẩn bị chương trình nghị sự, nội dung, tài liệu, gửi giấy mời họp và làm thư ký các cuộc họp, phiên họp của Hội đồng quản lý Quỹ. Ghi biên bản cuộc họp, phiên họp Hội đồng quản lý Quỹ; tổng hợp trung thực, đầy đủ ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ; chuẩn bị Nghị quyết của Hội đồng quản lý Quỹ để báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, ký ban hành Nghị quyết.

3. Chuẩn bị các báo cáo, giải trình với cơ quan quản lý nhà nước và các cơ quan liên quan theo phân công của Chủ tịch Hội đồng.

4. Thực hiện lưu trữ các văn bản của Hội đồng quản lý Quỹ.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng phân công.

Điều 16. Ban Kiểm soát Quỹ

1. Ban Kiểm soát giúp Hội đồng quản lý Quỹ kiểm tra, giám sát toàn diện mọi hoạt động của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng.

2. Ban kiểm soát gồm có Trưởng ban và 02 thành viên kiêm nhiệm, nhiệm kỳ 5 năm. Trưởng ban kiểm soát do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ đề xuất, trình Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm.

3. Các thành viên khác trong Ban Kiểm soát do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm trên cơ sở đề xuất của Trưởng ban kiểm soát, là những người có trình độ chuyên môn đại học trở lên thuộc các chuyên ngành về Luật, Tài chính, Lâm nghiệp hoặc các chuyên ngành khác có liên quan đến hoạt động của Quỹ.

4. Ban kiểm soát hoạt động theo Quy chế được Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt, các hoạt động kiểm tra, giám sát được thực hiện độc lập, theo chương trình, kế hoạch đã được Hội đồng quản lý Quỹ thông qua.

Điều 17. Nhiệm vụ của Ban Kiểm soát Quỹ

1. Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác kiểm tra, giám sát trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua và tổ chức triển khai thực hiện.

2. Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các chủ trương, chính sách, quy định của pháp luật, quyết định và nghị quyết của Hội đồng quản lý Quỹ trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ, trong quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ.

3. Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật về công tác tài chính, kế toán, kiểm toán của Quỹ; thẩm tra báo cáo tài chính hàng năm của Ban quản lý Quỹ theo quy định trước khi phê duyệt quyết toán năm.

4. Báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính của Quỹ định kỳ hàng quý, năm và theo từng vụ việc cụ thể.

5. Kịp thời phát hiện và báo cáo ngay với Hội đồng quản lý Quỹ và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch UBND tỉnh những hoạt động không bình thường, có dấu hiệu vi phạm pháp luật, hoặc các vi phạm trong việc quản lý tài chính của Ban quản lý Quỹ.

6. Không được tiết lộ kết quả kiểm tra, giám sát khi chưa được Hội đồng quản lý Quỹ chấp thuận.

7. Trưởng Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ và pháp luật nếu có hành vi bao che, bỏ qua các hành vi vi phạm đã phát hiện; hoặc tiết lộ kết quả kiểm tra, giám sát khi chưa có sự chấp thuận của Hội đồng quản lý Quỹ. Trường hợp đột xuất, Trưởng Ban kiểm soát có quyền báo cáo trực tiếp với Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

8. Thành viên Ban kiểm soát được tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ mở rộng, nhưng không có quyền biểu quyết.

9. Ngoài chương trình, kế hoạch công tác hàng năm được phê duyệt, Ban Kiểm soát thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 18. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ

Trưởng Ban kiểm soát là người trực tiếp chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Ban Kiểm soát Quỹ, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ và Chủ tịch UBND tỉnh về mọi hoạt động của Ban Kiểm soát; cụ thể:

1. Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác và tổ chức thực hiện chương trình kế hoạch công tác của Ban Kiểm soát Quỹ. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên để thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định.

2. Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban Kiểm soát trong việc thực hiện các công việc được phân công và nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát.

3. Triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Kiểm soát Quỹ.

4. Trình Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định thay đổi thành viên tham gia Ban Kiểm soát Quỹ và đề xuất khen thưởng, kỷ luật đối với các thành viên của Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

5. Phát hiện và báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ hoặc Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ về những vấn đề phát sinh trong kiểm soát nội bộ. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ triệu tập họp phiên bất thường trong trường hợp cần thiết.

6. Ký báo cáo và các văn bản liên quan đến hoạt động của Ban Kiểm soát.

7. Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ khác do Chủ tịch UBND tỉnh hoặc Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ giao.

8. Đối với những việc cần kiểm tra, giám sát đột xuất, Trưởng Ban kiểm soát báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt kế hoạch để tổ chức thực hiện. Những nội dung kiểm tra có khối lượng công việc lớn hoặc phức tạp, Trưởng Ban Kiểm soát kiến nghị thuê tư vấn theo từng lĩnh vực cụ thể, phù hợp để thực hiện.

9. Trong quá trình kiểm tra, giám sát, đối với những công việc cần phải làm việc với tổ chức, cá nhân ngoài hệ thống Quỹ, Trưởng ban Kiểm soát báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

Điều 19. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thành viên Ban Kiểm soát Quỹ

1. Thực hiện nhiệm vụ theo sự chỉ đạo, phân công trực tiếp của Trưởng Ban Kiểm soát và nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát quy định tại Điều lệ này.

2. Chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra, giám sát đối với những công việc được giao thực hiện. Trường hợp phát hiện thấy có dấu hiệu vi phạm, phải trực tiếp trao đổi với người phụ trách công việc đó để kiến nghị biện pháp giải quyết và đồng thời báo cáo sự việc, xin ý kiến chỉ đạo kịp thời của Trưởng ban Kiểm soát.

3. Không được tiết lộ các thông tin và kết quả kiểm tra, giám sát khi chưa được Trưởng ban Kiểm soát và Hội đồng quản lý Quỹ cho phép.

4. Tích cực tham gia ý kiến nhằm giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình quản lý Quỹ, đồng thời đề xuất các nội dung có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát Quỹ.

Điều 20. Ban Quản lý Quỹ (Ban Điều hành Quỹ)

1. Ban quản lý Quỹ được thành lập theo Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa gồm: Giám đốc, không quá 02 Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và 03 phòng chuyên môn nghiệp vụ để thực hiện

công tác nghiệp vụ của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng theo quy định.

2. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc Ban quản lý Quỹ và quy định cụ thể các phòng chuyên môn của Ban quản lý Quỹ do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định theo quy định của pháp luật và quy định phân công, phân cấp quản lý cán bộ hiện hành của UBND tỉnh. Nhiệm kỳ bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo Ban quản lý Quỹ là 05 năm.

Điều 21. Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc Quỹ là người đại diện pháp nhân của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật về điều hành hoạt động của Quỹ theo thẩm quyền và các quy định tại Điều lệ này.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Quỹ:

a) Tổ chức thực hiện các quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ và Nghị quyết của Hội đồng quản lý Quỹ.

b) Đại diện pháp nhân của Quỹ trong việc thực hiện giao dịch đối với các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước; các hoạt động tố tụng, tranh chấp và những vấn đề khác thuộc phạm vi hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật.

c) Trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua và cấp có thẩm quyền phê duyệt về kế hoạch hoạt động dài hạn, trung hạn và hàng năm, kế hoạch tài chính và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

d) Thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Tài chính và Quyết định phê duyệt của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ; Ban hành các quy chế quản lý đơn vị theo thẩm quyền và thực hiện quy trình hoạt động nghiệp vụ của Quỹ theo quy định của pháp luật.

e) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất về các hoạt động của Quỹ với Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam.

f) Trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các phòng nghiệp vụ thuộc Ban quản lý Quỹ theo quyết định của cấp có thẩm quyền; trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với Giám đốc, Phó Giám đốc Quỹ.

g) Triển khai Đề án vị trí việc làm của Ban quản lý Quỹ; thực hiện tuyển dụng, quản lý, sử dụng, chế độ, chính sách, thi đua, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ đối với viên chức, người lao động thuộc quyền quản lý theo phân cấp và quy định của pháp luật.

h) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo cấp trưởng phòng, phó trưởng phòng chuyên môn thuộc Ban quản lý Quỹ theo quy định phân công, phân cấp quản lý cán bộ của cấp có thẩm quyền.

i) Thực hiện một số nhiệm vụ khác theo phân công của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT và Hội đồng quản lý Quỹ và quy định của pháp luật.

Điều 22. Quan hệ giữa Hội đồng quản lý và Giám đốc Quỹ trong quản lý điều hành

1. Khi tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ nếu phát hiện thấy những vấn đề không phù hợp thì Giám đốc BQL Quỹ báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, điều chỉnh. Trường hợp Hội đồng quản lý Quỹ bảo lưu ý kiến không điều chỉnh lại Nghị quyết, Quyết định, Giám đốc Ban quản lý Quỹ có văn bản báo cáo cơ quan quản lý cấp trên.

2. Giám đốc Quỹ lập, báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ bằng văn bản về tình hình hoạt động của Quỹ hàng quý, năm và phương hướng thực hiện trong kỳ tiếp theo; có trách nhiệm báo cáo đột xuất về các vấn đề quản trị, tổ chức quản lý và điều hành của Quỹ theo yêu cầu của Hội đồng quản lý Quỹ.

3. Giám đốc Quỹ có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ về kết quả tổ chức các cuộc họp sơ kết, tổng kết, các cuộc họp chuyên đề trong đơn vị do Giám đốc Quỹ chủ trì.

Điều 23. Phó Giám đốc Quỹ

1. Phó Giám đốc Quỹ do Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm theo quy định.

2. Phó Giám đốc Quỹ giúp Giám đốc Quỹ quản lý, điều hành một số nhiệm vụ theo sự phân công của Giám đốc Quỹ; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ, Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT, Chủ tịch UBND tỉnh, UBND tỉnh và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

Điều 24. Kế toán trưởng

1. Kế toán trưởng do Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm theo quy định của pháp luật.

2. Kế toán trưởng giúp Giám đốc Quỹ tổ chức thực hiện công tác kế toán, tài chính và thống kê của Quỹ; thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ, Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT và trước pháp luật về nhiệm vụ được giao.

**Chương IV
QUẢN LÝ TÀI CHÍNH**

Điều 25. Chế độ tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng

1. Chi hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ, Ban Điều hành Quỹ được tính vào chi phí quản lý của Quỹ theo quy định.

2. Các ủy viên kiêm nhiệm của Hội đồng quản lý Quỹ, thành viên Ban Kiểm soát Quỹ được hưởng phụ cấp và các chế độ chính sách khác thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ và theo quy định của nhà nước.

3. Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, viên chức, lao động hợp đồng thuộc Ban quản lý Quỹ được hưởng tiền lương, phụ cấp chức vụ, phụ cấp trách nhiệm và các chế độ chính sách khác theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ và theo quy định của nhà nước.

Điều 26. Lập kế hoạch tài chính, báo cáo tài chính, quyết toán Quỹ

Thực hiện theo quy định tại Điều 81, Nghị định 156/2018/NĐ-CP, cụ thể:

1. Hằng năm, Quỹ lập kế hoạch tài chính gồm: Kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng, kế hoạch giao vốn trồng rừng thay thế và các nguồn tài chính khác kèm theo dự toán chi hoạt động của Quỹ thông qua Hội đồng Quản lý Quỹ, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

2. Kết thúc niên độ kế toán, Quỹ lập báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán năm gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, phê duyệt theo quy định tại Nghị định 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Quỹ thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên (Mức độ tự chủ: 100%) từ nguồn trích lại 10% tiền ủy thác chi trả dịch vụ môi trường rừng, nguồn chi phí quản lý vốn ủy thác trồng rừng thay thế và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Nội dung chi thực hiện tự chủ theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 27. Chế độ kế toán, kiểm toán, quản lý tài sản và công khai tài chính

Thực hiện theo quy định tại Điều 82, Nghị định 156/2018/NĐ-CP, cụ thể:

1. Thực hiện công tác kế toán theo chế độ kế toán hành chính sự nghiệp để thực hiện công tác kế toán.

2. Thực hiện quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn.

3. Thực hiện kiểm toán độc lập báo cáo tài chính.

4. Thực hiện công khai tài chính theo quy định pháp luật về tài chính hiện hành; khuyến khích thực hiện đánh giá độc lập kết quả thực hiện chính sách dịch vụ môi trường rừng.

Điều 28. Thanh tra, kiểm tra và kiểm toán

1. Ban kiểm soát Quỹ thực hiện nội dung kiểm tra, giám sát thường xuyên;

2. Quỹ chịu sự thanh tra, kiểm tra và kiểm toán của cơ quan Thanh tra, Kiểm tra và Kiểm toán Nhà nước theo quy định hiện hành.

3. Quỹ được phép thuê kiểm toán độc lập để kiểm toán nội bộ về các hoạt động tài chính của Quỹ theo quy định của pháp luật.

4. Kết quả kiểm toán phải được báo cáo kịp thời với Ban Kiểm soát và Hội đồng quản lý Quỹ.

Chương V **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 29. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hội đồng quản lý Quỹ; Ban kiểm soát Quỹ; Ban Quản lý Quỹ và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm tuân thủ các quy định của Điều lệ này.

Điều 30. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề cần kiến nghị sửa đổi, bổ sung Điều lệ này, Giám đốc Quỹ có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.
